

Thành phố B, ngày 16 tháng 7 năm 2018

Số: 932/2018/QĐST-VHNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý 1481/2018/TLST-VHNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 giữa:

- Người yêu cầu: Anh **Trần Văn H**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Xóm 7, xã K, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Tạm trú: Tổ 7, khu phố 3, phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Chị **Phùng Thị N**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Xóm 7, xã K, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Tạm trú: Tổ 7, khu phố 3, phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Trần Văn H** và chị **Phùng Thị N**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh **Trần Văn H** và chị **Phùng Thị N** thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống anh **H** và chị **N** có 01 con chung là cháu **Trần Minh Q**, sinh ngày 09/10/2008. Ly hôn anh **H** và chị **N** thỏa thuận để anh **H** được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Q** đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động, tạm thời chị **N** không cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản chị N thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi vị trí nuôi con, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Các đương sự đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Anh Trần Văn H và chị Phùng Thị N mỗi người phải chịu 150.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh H và chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 007775 ngày 19/6/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố B.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Đào